

## CHUẨN HÓA THANG ĐO ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

ThS. Nguyễn Ngọc Chơn Tâm<sup>1</sup>; PGS.TS. Vũ Việt Bảo<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích nhân tố khẳng định (CFA) để chuẩn hóa thang đo đánh giá kỹ năng mềm (KNM) phiên bản tiếng Việt từ phiên bản gốc tiếng Anh của UMJ. Thử nghiệm được tiến hành trên 180 sinh viên (SV) khoa sư phạm Trường Đại học Đồng Nai (ĐHĐN). Kết quả nghiên cứu đã xác định thang đo đánh giá kỹ năng mềm cho SV sư phạm trường Đại học Đồng Nai bao gồm 7 kỹ năng: Thái độ tích cực, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thích ứng, quản lý thời gian và năng lượng, đạo đức làm việc, giải quyết vấn đề và kỹ năng phân tích, kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm ban đầu đã chuyển tích hợp thành 5 nhóm với 18 biến quan sát có đủ độ tin cậy cần thiết và phù hợp để tiến hành khảo sát trên diện rộng: (1) khả năng thích ứng (KNTU), (2) kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề (GQVD), (3) đạo đức làm việc (DDLV), (4) quản lý thời gian (QLTG) và (5) thái độ tích cực (TDTC). Kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng xác thực về độ tin cậy và sự phù hợp của thang đo phiên bản tiếng Việt đánh giá kỹ năng mềm cho SV sư phạm Trường Đại học Đồng Nai.

**Từ khóa:** kỹ năng mềm, sinh viên, sư phạm, EFA, CFA.

**Summary:** The study uses exploratory factor analysis (EFA) and confirmatory factor analysis (CFA) to standardize the Vietnamese version of the soft skills assessment scale (KNM) from the original English version of UMJ. 180 students of the Pedagogical Faculty of Dong Nai University participated in this experiment. Research results have determined a soft skills assessment scale for pedagogical students at Dong Nai University including 7 skills: positive attitude, communication skills, adaptive skills, time management and Energy, work ethic, problem-solving and analytical skills, leadership and teamwork skills were initially integrated into 5 groups with 18 observed variables with the necessary and appropriate reliability. To conduct a large-scale survey: (1) adaptability (KNTU), (2) analytical and problem-solving skills (GQVD), (3) work ethic (DDLV), (4) time management (QLTG) and (5) positive attitude (TDTC). The research results provide authentic evidence about the reliability and suitability of the Vietnamese version of the scale to assess soft skills for pedagogical students at Dong Nai University.

**Keywords:** soft skills, students, pedagogy, EFA, CFA.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kỹ năng mềm được xem như chìa khóa của thành công trong nghề nghiệp bên cạnh các kiến thức, kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp, nó còn phản ánh sinh động cuộc sống của mỗi cá nhân gồm 7 kỹ năng: Thái độ tích cực, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thích ứng, kỹ năng quản lý thời gian, đạo đức làm việc, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm và đo lường bằng 20 biến quan sát. Một số quốc gia không thuộc nhóm sử dụng ngôn ngữ Anh đã nghiên cứu chuẩn hóa theo các

phiên bản ngôn ngữ khác nhau để phù hợp với thực tiễn của quốc gia đó.

Với mong muốn ứng dụng bộ công cụ này để tìm hiểu nhận thức của SV trường đại học Đồng Nai về tầm quan trọng của đào tạo kỹ năng mềm ngay khi còn ngồi trên ghế Nhà trường. Nghiên cứu cũng kỳ vọng xác định được các nhóm kỹ năng quan trọng (kỹ năng mềm cốt lõi) cần thiết để nâng cao khả năng học tập của SV. Nghiên cứu này đã kiểm tra các kỹ thuật và công cụ khác nhau nhằm truyền đạt kỹ năng mềm cho học sinh cũng như mức độ kỹ năng mềm được cung cấp

tại trường Đại học Đồng Nai. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi khảo sát do nhà nghiên cứu dịch lại từ bảng câu hỏi theo bộ công cụ đánh giá kỹ năng mềm Understanding My Journey (UMJ). Bảng câu hỏi dành cho sinh viên bao gồm hai phần- Phần A: Họ và tên/ Tuổi/ Giới tính; Phần B: Đánh giá mức độ thực hiện kỹ năng mềm của SV. Thư giới thiệu sẽ giải thích mục đích của cuộc khảo sát và tầm quan trọng của mỗi người trả lời trong việc trả lời theo khả năng tốt nhất của mình. Người tham gia được đảm bảo về

tính bảo mật và các phản hồi kèm theo kết quả cuối cùng sẽ được cung cấp dưới dạng tổng hợp thay vì dưới dạng riêng lẻ.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau:

Nghiên cứu sử dụng thang đo gồm 7 kỹ năng : thái độ tích cực, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thích ứng, quản lý thời gian và năng lượng, đạo đức làm việc, giải quyết vấn đề và kỹ năng phân tích, kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm và đo lường bằng 20 biến quan sát như sau:

**Bảng 1. Thang đo kỹ năng mềm UMJ được dịch sang tiếng Việt**

Kỹ năng mềm	Ký hiệu	Thành phần
<b>Thái độ tích cực</b>	TDTC1	Tôi có một mục đích trong cuộc sống và cảm thấy rằng tôi đang góp phần vào đó.
	TDTC2	Tôi có những mục tiêu thực tế và cảm thấy rằng tôi đang tiến triển đối với chúng
	TDTC3	Tôi trân trọng tình bạn và luôn tìm thời gian để kết nối với những người khác.
<b>Kỹ năng giao tiếp</b>	KNGT1	Tôi suy nghĩ về các ý tưởng trước khi nói hoặc truyền đạt chúng
	KNGT2	Tôi có thể giao tiếp tích cực trong những tình huống khó khăn hoặc thử thách
	KNGT3	Tôi biết khi nào nên sử dụng ngôn ngữ thân mật hoặc trang trọng hơn
<b>Khả năng thích ứng</b>	KNTU1	Tôi coi những thay đổi là cơ hội để học hỏi và trải nghiệm những điều mới
	KNTU1	Tôi cố gắng vượt qua những thất bại và rào cản để tiến bộ
	KNTU1	Tôi sẵn sàng lắng nghe ý kiến đề xuất từ người khác về cách tôi có thể thực hiện các việc một cách khác biệt.
<b>Kỹ năng quản lý thời gian</b>	QLTG1	Tôi luôn đúng giờ và hiếm khi trễ giờ
	QLTG2	Tôi thường xuyên viết danh sách 'việc cần làm' và đánh dấu khi hoàn thành các công việc đó
	QLTG3	Khi tôi bắt đầu làm việc gì đó, tôi muốn cố gắng hoàn thành nó mà không bị phân tâm
<b>Đạo đức làm việc</b>	DDL1	Người khác có thể tin tưởng vào tôi khi công việc cần phải hoàn thành.
	DDL2	Tôi thừa nhận lỗi của mình và sẵn sàng xin giúp đỡ và lời khuyên khi cần.
	DDL3	Tôi hiểu tầm quan trọng của việc làm việc chăm chỉ để đạt được mục tiêu của mình

Kỹ năng mềm	Ký hiệu	Thành phần
Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề	GQVD1	Tôi lùi lại và nhìn vào tổng thể trước khi cố gắng phân tích một vấn đề.
	GQVD2	Tôi thiết lập và tuân thủ theo trình tự hợp lý các giai đoạn để giải quyết vấn đề
	GQVD3	Tôi suy nghĩ sáng tạo và tìm ra các giải pháp mà người khác chưa từng nghĩ đến.
Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm	KNLD1	Tôi hiểu vai trò của mình phù hợp như thế nào trong một nhóm lớn hơn
	KNLD2	Tôi làm như tôi nói, và mọi người tin tưởng rằng tôi hành động theo những giá trị của mình.

Nghiên cứu sửa dụng các phương pháp phân tích sau: Kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha; Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA); Phân tích nhân tố khẳng định (Confirmatory Factor Analysis – CFA)

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 2.1 Đánh giá sơ bộ độ tin cậy thang đo với hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo với hệ số Cronbach Alpha, các thành phần của thang đo chất lượng dịch vụ đều có hệ số Cronbach Alpha đều được chấp nhận về mặt tin cậy (lớn hơn mức yêu cầu 0,6). Trong đó, hệ số alpha lần lượt của 7 kỹ năng : thái độ tích cực (0,634), kỹ năng giao tiếp (0,617) , kỹ năng thích ứng (0,800), quản lý thời gian và năng lượng (0,845), đạo đức làm việc (0,827), giải quyết vấn đề và kỹ năng phân tích (0,798), kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm (0,749). Xét hệ số tương quan biến - tổng (hiệu chỉnh) của các biến quan sát đều đạt yêu cầu > 0,30 (Hair & ctg 2006), do đó, tác giả quyết định không có biến quan sát nào bị loại và thang đo phù hợp sử dụng cho phân tích EFA tiếp theo .

### 2.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau khi các thành phần của thang đo kỹ năng mềm được đánh giá sơ bộ độ tin cậy thang đo với hệ số Cronbach Alpha, tất cả các biến quan sát đều đạt yêu cầu cho phân tích nhân tố EFA. Phép trích nhân tố được sử dụng là Principal Axis Factoring (PAF) với phép quay không vuông góc Promax.

Kết quả phân tích EFA dừng lại lần thứ 2 khi đã loại bỏ biến quan sát KNLD2 (Tôi làm như tôi nói, và mọi người tin tưởng rằng tôi hành động theo những giá trị của mình); vì có trọng số nhân tố nhỏ hơn 0,4 (Gerbing & Anderson, 1988). Kết quả EFA có hệ số KMO = 0,848 giá trị kiểm định Bartlett có ý nghĩa (sig < 0,05), 5 nhóm nhân tố được trích với tổng sai trích 70,07%.

Các nhóm nhân tố mới có sự xáo trộn các thành phần: yếu tố KNGT3 và KNGT1 được nhóm chung với thành phần thang đo khả năng thích ứng; yếu tố KNLD1 được nhóm chung với thang đo kỹ năng giải quyết vấn đề; yếu tố TDTC3 được nhóm chung với thang đo đạo đức làm việc. Nhìn chung các thành phần có sự thay đổi đáng kể nên tên các nhóm nhân tố được thay đổi nhằm phù hợp hơn với thành phần của nhóm mới. Như vậy, thang đo kỹ năng mềm sau khi đánh giá sơ bộ bao gồm 5 thành phần: (1) khả năng thích ứng (KNTU), (2) giải quyết vấn đề và kỹ năng phân tích (GQVD), (3) đạo đức làm việc (DDLV), (4) quản lý thời gian và năng lượng (QLTG) và (5) thái độ tích cực (TDTC) với 18 biến quan sát. 18 biến quan sát của thang đo chất lượng dịch vụ siêu thị đều có trọng số nhân tố đạt yêu cầu trên 0,4 và được đưa vào kiểm định tiếp theo với phân tích CFA.

### 2.3. Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Kết quả CFA của thang đo kỹ năng mềm lần 1 có biến quan sát KNLD3 (Tôi có thể giao tiếp tích cực trong những tình huống khó khăn hoặc thử thách) thuộc thành phần không gian vì trọng

Bảng 2 . Kết quả thang đo EFA đánh giá về các kỹ năng mềm

Ký hiệu	Nhóm nhân tố				
	1	2	3	4	5
	KNTU	GQVD	DDLV	QLTG	TDTC
KNTU2	0.776				
KNTU1	0.769				
KNGT3	0.704				
KNTU3	0.694				
KNGT1	0.577				
GQVD3		0.853			
GQVD1		0.717			
KNLD1		0.702			
GQVD2		0.630			
DDLV2			0.871		
DDLV3			0.763		
DDLV1			0.666		
TDTC3			0.534		
QLTG1				0.911	
QLTG2				0.890	
QLTG3				0.790	
TDTC1					0.878
TDTC2					0.860

số biến này chỉ đạt 0,427 nhỏ hơn tiêu chuẩn cho phép ( $\geq 0,5$ ) để thang đo đạt giá trị hội tụ (Gerbing & Anderson, 1988) nên biến này sẽ bị loại và tiến hành CFA lần 2.

Kết quả CFA lần 2 (hình 1) trọng số các biến quan sát đều đạt chuẩn cho phép ( $\geq 0,5$ ) và có ý nghĩa thống kê các giá trị p đều bằng 0,000 (thấp nhất là trọng số biến TDTC3 0,532).

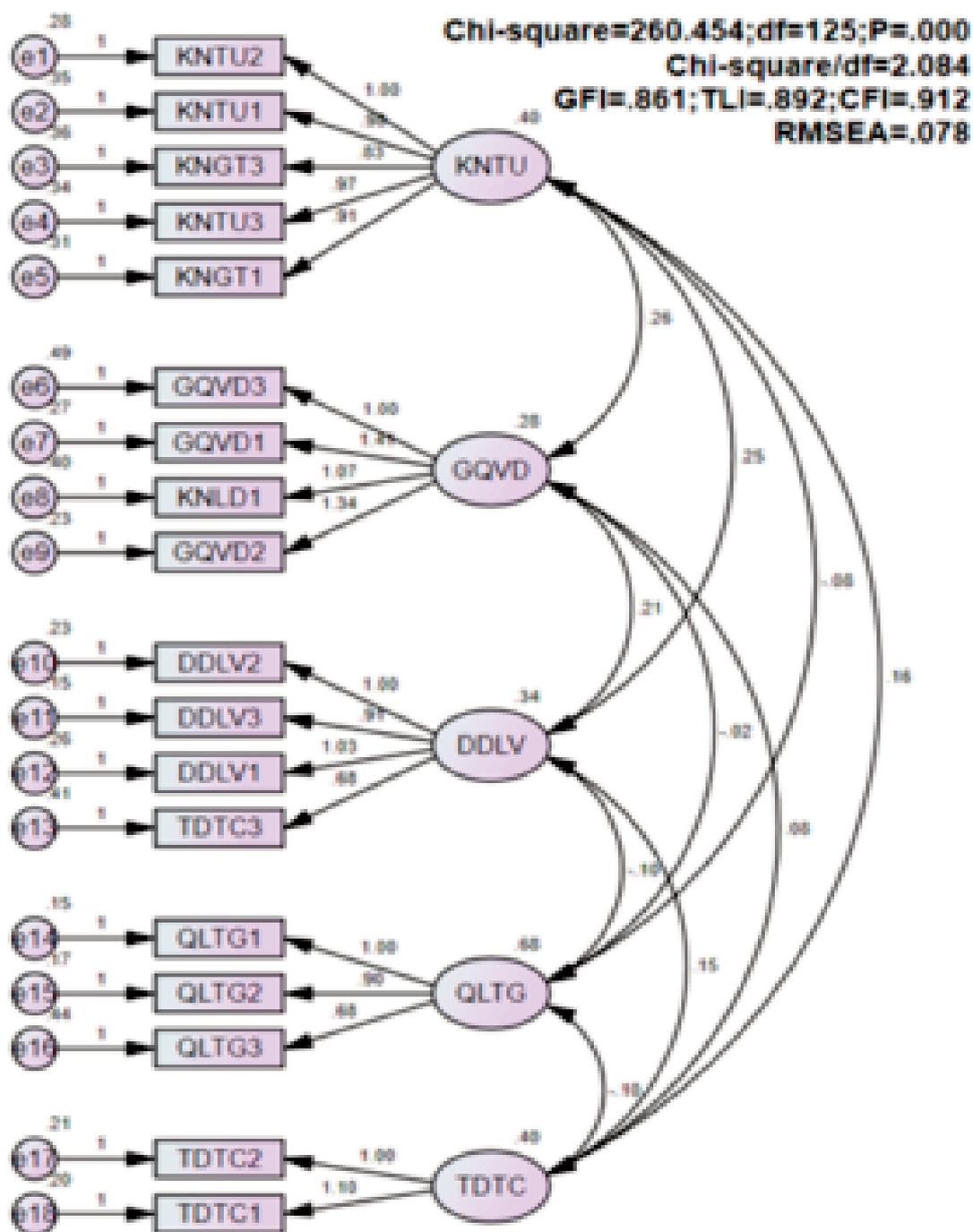
Như vậy có thể kết luận các biến quan sát dùng để đo lường 5 thành phần của thang đo kỹ năng mềm đạt được giá trị hội tụ. CFA lần 2 cho thấy mô hình có 125 bậc tự do, giá trị kiểm định chi-square=260,454 với pvalue = 0,000, tuy nhiên chi-square/df = 2,084 tốt vì  $< 3$  và các chỉ số chỉ ra mô hình phù hợp với dữ liệu thị trường (GFI = 0,861; TLI = 0,892; CFI = 0.912; và RMSEA = 0,078).

Hệ số tương quan giữa các thành phần với sai lệch chuẩn kèm theo (Bảng 3) cho chúng ta thấy các hệ số này nhỏ hơn 1 (có ý nghĩa thống kê). Vì vậy, các thành phần khả năng thích ứng, giải quyết vấn đề và kỹ năng phân tích, đạo đức làm việc, quản lý thời gian và năng lượng, thái độ tích cực đều đạt giá trị phân biệt.

Giá trị và độ tin cậy của thang đo sẽ được đánh giá qua hệ số tin cậy tổng hợp và phương sai trích (bảng 4). Kết quả này cho thấy các thành phần của thang đo kỹ năng mềm đều đạt yêu cầu về giá trị và độ tin cậy

### 3. KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu đã tiến hành chuẩn hóa và xác thực thang đo kỹ năng mềm cho SV sư phạm trường Đại học Đồng Nai phiên bản tiếng Việt từ phiên bản gốc tiếng Anh của UMJ



Hình 1 . Kết quả CFA thang đo kỹ năng mềm đã chuẩn hóa

gồm 5 thành phần: (1) khả năng thích ứng (KNTU), (2) kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề (GQVD), (3) đạo đức làm việc (DDLV), (4) quản lý thời gian (QLTG) và (5) thái độ tích cực (TDTC) với 18 biến quan sát. Các thành phần của thang đo đóng góp thông tin, cơ sở cho hoạt động đánh giá kỹ năng mềm và là cơ sở cho triển khai khảo sát trên diện rộng. Thông tin có

được sẽ gợi ý tìm ra các giải pháp nâng cao kỹ năng mềm cho SV.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Dabholkar, P., Thorpe, D. & Rentz, J. (1996). A Measure of Service Quality for Retail Stores: Scale Development and Validation. Journal of the Academy of Marketing Science. 24 (1):3-16.

**Bảng 3. Kiểm quả kiểm định giá trị phân biệt của thang đo kỹ năng mềm**

Mối quan hệ			R	SE	CR	P
KNTU	<-->	GQVD	0.771	0.055	4,151	0
KNTU	<-->	DDLV	0.675	0.062	5,211	0
KNTU	<-->	TDTC	0.403	0.072	8,239	0
GQVD	<-->	DDLV	0.669	0.063	5,276	0
GQVD	<-->	TDTC	0.230	0.074	10,336	0
DDLV	<-->	TDTC	0.392	0.073	8,368	0

**Bảng 4. Tóm tắt kết quả kiểm định thang đo kỹ năng mềm**

Thành phần	Số biến quan sát	Độ tin cậy		Phương sai trích (%)	Giá trị
		Cronbach	Tổng hợp		
KNTU	5	0.800	0.844	0.520	Đạt yêu cầu
GQVD	4	0.798	0.826	0.546	
DDLV	4	0.827	0.817	0.533	
QLTG	3	0.845	0.855	0.666	
TDTC	2	0.634	0.809	0.680	

2. Gerbing, D. W. & Anderson, J. C. (1988). An Updated Paradigm for Scale Development Incorporating Unidimensionality and Ít Assessment. *Journal of Marketing Research* 25 (2): 186-192

3. Santhosh Kumar ; Dinesh.N ; Periasamy P (2021); Testing validity and reliability of the Questionnaire in soft skills research: a Perspective from b-school alumni; *International Journal of Entrepreneurship*, Volume 25, Special Issue.

4. Phạm Lê Hồng Nhung, Phạm Thị Thảo, Đinh Công Thành, Lê Thị Hồng Vân (2012); Kiểm định thang đo đánh giá chất lượng dịch vụ trường hợp nghiên cứu cho các siêu thị tại thành phố Cần Thơ; *Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ* 2012:24b 173-181.

5. Erasmus+ “A Toolkit for Soft Skills Development for Young People”; [www.understandingmyjourney.eu](http://www.understandingmyjourney.eu)

**Nguồn bài báo:** Bài báo được lấy từ kết quả nghiên cứu trong quá trình thực hiện Luận án tiến sĩ Giáo dục học với tên đề tài: “Nghiên cứu biện pháp nâng cao kỹ năng mềm thông qua hoạt động thể chất cho sinh viên khối sư phạm Trường Đại học Đồng Nai”. Nghiên cứu sinh thực hiện: Nguyễn Ngọc Chơn Tâm, đề tài dự kiến bảo vệ tại Trường Đại học TDTT TP.HCM năm 2026.

**Ngày nhận bài:** 10/9/2023; **Ngày duyệt đăng:** 20/9/2023.